

VISIBLE THINKING ROUTINES AND SOME APPLICATIONS IN DEVELOPING ENGLISH SPEAKING SKILLS FOR STUDENTS

Tran Thi Thanh Tu

Email: tranthanhtusp@gmail.com

Ba Ria-Vung Tau College of Education
689 Cách Mạng Tháng Tám, Long Toàn, Ba Ria city,
Ba Ria - Vung Tau province, Vietnam

Received: 27/12/2024

Revised: 06/02/2025

Accepted: 04/3/2025

Published: 20/3/2025

Abstract: To many learners, thinking may seem intangible; therefore, teachers need to make students' thought processes more visible, helping them understand how they are learning and thinking. Through visible thinking routines, students can articulate their thoughts more clearly, establish deeper connections with their ideas, and enhance their learning experience. Notably, all students can contribute in their own ways, fostering a more creative, collaborative, and effective classroom environment. This article introduces and analyzes key principles for incorporating visible thinking routines into schools and classrooms, following an overview of selected fundamental concepts and an introduction to Project Zero, a research initiative at Harvard University renowned for its thinking routines toolbox. Additionally, the article explores the rationale for integrating visible thinking routines into language classes in general and speaking classes in particular, as well as highlights practical approaches to applying these routines in the development of students' English-speaking skills

Keywords: *Project Zero, thinking routines, visible thinking, visible thinking routines, learning culture, English speaking skill.*

THÓI QUEN TƯ DUY HỮU HÌNH VÀ MỘT VÀI ỨNG DỤNG TRONG VIỆC PHÁT TRIỂN KỸ NĂNG NÓI TIẾNG ANH CHO HỌC SINH, SINH VIÊN

Trần Thị Thanh Tú

Email: tranthanhtusp@gmail.com

Trường Cao đẳng Sư phạm Bà Rịa-Vũng Tàu
689 Cách Mạng Tháng Tám, Long Toàn,
thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam

Nhận bài: 27/12/2024

Chỉnh sửa xong: 06/02/2025

Chấp nhận đăng: 04/3/2025

Xuất bản: 20/3/2025

Tóm tắt: Đối với nhiều học sinh, sinh viên, tư duy là một thứ vô hình nên giáo viên cần giúp cho suy nghĩ của các em trở nên hữu hình để các em nhận biết là mình đang học và suy nghĩ như thế nào. Thông qua thói quen tư duy hữu hình, học sinh, sinh viên có thể diễn đạt theo cách các em suy nghĩ, có sự liên hệ sâu hơn với các ý tưởng của mình và học sâu hơn. Điều đáng chú ý là tất cả học sinh, sinh viên đều có thể tham gia đóng góp theo cách của riêng mình để tạo lớp học sáng tạo hơn, hợp tác hơn, hiệu quả hơn. Bài viết giới thiệu, phân tích một số nguyên tắc của việc đưa thói quen tư duy vào trường học, lớp học sau khi trình bày chọn lọc một số khái niệm quan trọng và giới thiệu về dự án Project Zero, dự án nghiên cứu tại Đại học Harvard với bộ thói quen tư duy. Đồng thời, bài viết đưa ra một số lí do của việc đưa thói quen tư duy vào giờ học ngôn ngữ nói chung và giờ học kĩ năng nói nói riêng cũng như giới thiệu một số thói quen tư duy hữu hình tiêu biểu có thể ứng dụng vào việc phát triển kĩ năng nói tiếng Anh cho học sinh, sinh viên.

Từ khóa: *Project Zero, thói quen tư duy, tư duy hữu hình, thói quen tư duy hữu hình, văn hóa lớp học, kĩ năng nói tiếng Anh.*

1. Đặt vấn đề

Trong bài viết của mình, Trần Thị Thanh Tú (2023) đã phân tích một số khái niệm liên quan đến tư duy hữu hình và một số lợi ích của chúng từ các bài viết của tác giả: Gholam (2018); Gholam (2019); Ritchhart (2015); Ritchhart & Perkins (2008a,b); Ritchhart, Turner & Hadar (2009) và Dajani (2016) đặc biệt về

việc thu hút học sinh, sinh viên vào quá trình học tập và thúc đẩy học sinh, sinh viên học tập, tạo ra môi trường học tập nơi các em: cởi mở, tò mò, phê phán và hoài nghi, thể hiện và đặt câu hỏi và chất vấn hiểu biết của mình, tạo ra lớp học tư duy, sáng tạo và nuôi dưỡng khuynh hướng tư duy, thúc đẩy sự "tìm hiểu sâu" - suy nghĩ có chất lượng, tạo điều kiện khám

phá, thúc đẩy cả cá nhân và nhóm tiến tới học tập suốt đời. Ngoài ra, thói quen tư duy hữu hình còn giúp giáo viên và giảng viên vượt ra ngoài những điều hiển nhiên và khuyến khích học sinh, sinh viên suy nghĩ sâu sắc bằng cách làm cho những điều phức tạp trở nên có thể tiếp cận được. Không những thế, thói quen tư duy hữu hình còn giúp giáo viên, giảng viên theo dõi được những khó khăn và thách thức mà học sinh, sinh viên gặp phải; giúp giáo viên, giảng viên làm nhiều việc hơn là giảng dạy. Ví dụ như xác định các điểm mạnh và điểm yếu của học sinh, sinh viên và sẽ làm việc chăm chỉ, tích cực để củng cố điểm mạnh của các em và giúp các em khắc phục điểm yếu của mình. Thói quen tư duy hữu hình cũng giúp củng cố các kĩ năng thông qua sự gắn kết và tham gia, giúp đem lại trải nghiệm học tập phong phú và có ý nghĩa. Nó có thể trở thành thói quen tự nhiên và áp dụng một cách độc lập, giúp đem lại môi trường nơi khơi dậy điều tốt nhất trong mỗi con người, đưa việc học lên một tầm cao mới.

Như vậy, lợi ích mà thói quen tư duy hữu hình có thể mang lại cho học sinh, sinh viên không phải ở việc chỉ lặp lại thông tin hay đạt điểm cao trong bài kiểm tra mà là giúp việc học vượt ra ngoài giới hạn của việc đơn thuần học ngôn ngữ. Thói quen tư duy, do đó nên là một phần thường xuyên trong lớp học và trở thành văn hóa lớp học nói chung cũng như việc rèn luyện kĩ năng nói riêng cho học sinh, sinh viên.

2. Kết quả nghiên cứu

2.1. Khái niệm

2.1.1. Tư duy (Thinking)

Trong bài viết này, tác giả chọn cách tiếp cận thuật ngữ tư duy *thinking* của Holyoak & Morrison (1993). Theo hai tác giả này, chúng ta có thể bắt đầu trả lời câu hỏi này bằng cách xem xét những cách khác nhau mà từ “Suy nghĩ/tư duy” được sử dụng trong ngôn ngữ hằng ngày. *I think that water is necessary for life* - Tôi nghĩ rằng, nước là cần thiết cho sự sống” đều thể hiện niềm tin ở các mức độ hợp lí nào đó - tuyên bố rõ ràng về những gì ai đó coi là sự thật về thế giới. *Ann is sure to think of a solution* - Ann chắc chắn sẽ nghĩ ra giải pháp” đưa chúng ta vào lĩnh vực giải quyết vấn đề, xây dựng một kế hoạch hành động để đạt được một mục tiêu trong đầu. Lời than phiền, *Why didn't you think before you went ahead with your half-baked scheme?* “Tại sao bạn không suy nghĩ trước khi thực hiện kế hoạch nửa vời của mình?” nhấn mạnh rằng suy nghĩ có thể là một loại tầm nhìn xa, một cách “nhìn thấy” tương lai có

thể xảy ra. Hay *What do you think about it?* “Bạn nghĩ gì về điều đó?” đòi hỏi một sự phán đoán, một đánh giá về tính mong muốn của một lựa chọn. *Lying is a bad thing, I think.* “Tôi nghĩ, nói dối là điều xấu” đưa sự phán đoán về phạm vi đạo đức. Và *Albert is lost in thought.* “Albert đang chìm đắm vào suy nghĩ của mình”, nơi suy nghĩ trở thành một loại đồng cỏ tinh thần mà một người có thể lang thang vào một buổi chiều mưa, không để ý đến thế giới bên ngoài.

Rips và Conrad (1989), trích trong Holyoak, K.J., & Morrison (1993) đã gợi ra những phán đoán từ sinh viên đại học về việc các thuật ngữ tinh thần khác nhau liên quan đến nhau như thế nào. Sử dụng các kĩ thuật thống kê, các nhà điều tra có thể tóm tắt các thuật ngữ theo hai sơ đồ, theo một hệ thống phân cấp các loại hoặc danh mục. Nói một cách khái quát, mọi người nghĩ rằng, lập kế hoạch là một loại quyết định, là một loại lí luận, là một loại khái niệm hóa, là một loại tư duy. Mọi người cũng nghĩ rằng, tư duy là một phần của khái niệm hóa, là một phần của ghi nhớ, là một phần của lí luận... Như vậy, dù ở cách nào thì *thinking* cũng là một phần chung nhất, mức độ cao hơn của các hoạt động tinh thần, thấm nhuần tất cả các hoạt động khác.

Theo Alex Warren (2021), *thinking* theo một cách đơn giản, có thể đồng nghĩa với giao tiếp *communication* (Giao tiếp thực - *Authentic communication*). Trong bài viết này, tư duy có thể được hiểu là mức độ cao hơn của các hoạt động tinh thần và có tính giao tiếp.

2.1.2. Thói quen tư duy (Thinking routines)

Theo Project Zero (2010), thói quen tư duy là một tập hợp các câu hỏi hoặc một chuỗi các bước ngắn có thể được sử dụng để hỗ trợ và thúc đẩy tư duy của người học. Các thói quen tư duy là các mô hình trò chuyện đơn giản để khám phá các ý tưởng, giúp mở rộng và đào sâu tư duy của học sinh, sinh viên và trở thành một phần trong cấu trúc của một lớp học hằng ngày. Hay nói cách khác, thói quen tư duy giúp tạo ra cơ hội học tập cũng như nâng cao việc học và trải nghiệm học tập cho các em học sinh, sinh viên. Thông qua tư duy và giao tiếp, trải nghiệm học tập của người học sẽ tốt hơn, giúp mang lại nhiều lợi ích cho sự phát triển của các em.

2.1.3. Thói quen tư duy hữu hình (Visible thinking routines)

Tư duy hữu hình được nhận diện là khung khái niệm linh hoạt và có hệ thống dựa trên nghiên cứu nhằm tích hợp việc phát triển tư duy của học sinh, sinh viên với việc học nội dung thông qua các vấn đề

đặt ra của môn học.

Tư duy hữu hình đòi hỏi những hành động “công khai”, có ý thức và có chủ đích của cả học sinh và giáo viên. Khi tư duy hữu hình, người tham gia nhận thức được suy nghĩ và quá trình tư duy của chính mình cũng như của những cá nhân mà họ đang làm việc cùng. Tư duy hữu hình có thể thúc đẩy mức độ nhận thức cao hơn cả về mặt cá nhân và tập thể. Ngoài ra, năng suất và hiệu quả làm việc sẽ cao hơn nhờ vào sự hiệp lực.

Một khi tư duy hữu hình được thực hiện một cách thường xuyên và có hệ thống với chính các em, các bạn, thầy cô và trở thành cấu trúc của một lớp học hằng ngày thì nó sẽ trở thành thói quen và các em sẽ có cơ hội để phát triển rất nhiều, Project Zero (2010).

2.2. Dự án Project Zero, nơi hình thành các thói quen tư duy và một số nguyên tắc của việc đưa thói quen tư duy hữu hình vào trường học, lớp học

Dự án Project Zero (2010) là dự án nghiên cứu tại Đại học Harvard. Các nhà nghiên cứu những sáng kiến tư duy hữu hình đầu tiên bao gồm: Dave Perkins, Shari Tishman và Ron Ritchhart. Các nhà nghiên cứu đã phát triển một số sản phẩm quan trọng nhưng sản phẩm được biết đến nhiều nhất là bộ thực hành mang tên *Thói quen Tư duy*, những thói quen giúp làm cho tư duy trở nên hữu hình có thể nhìn thấy được.

Công việc rộng hơn của Project Zero về Tư duy hữu hình có thể được định nghĩa là một cách tiếp cận dựa trên nghiên cứu có hệ thống và linh hoạt để tích hợp sự phát triển tư duy của học sinh, sinh viên với nội dung học tập xuyên suốt các môn học. Nghiên cứu về tư duy hữu hình có hai mục tiêu: một mặt là trau dồi kỹ năng tư duy và khuynh hướng tư duy của học sinh, sinh viên, mặt khác là đào sâu nội dung học tập. Dự án Project Zero (2010) có những điểm đáng chú ý như sau:

Thói quen tư duy tồn tại trong tất cả các lớp học. Chúng là những khuôn mẫu mà giáo viên, giảng viên và học sinh, sinh viên vận hành và thực hiện công việc học tập và làm việc cùng nhau trong môi trường lớp học. Một thói quen có thể được coi là bất kỳ thủ tục, quy trình hoặc mô hình hành động nào được sử dụng nhiều lần để quản lý và tạo điều kiện thuận lợi cho việc hoàn thành các mục tiêu hoặc nhiệm vụ cụ thể. Lớp học có các hoạt động thường lệ nhằm quản lý hành vi và tương tác của học sinh, sinh viên, tổ chức công việc học tập và thiết lập các quy tắc giao tiếp và thảo luận. Lớp học cũng có những thói quen định hình cách học sinh, sinh viên thực

hiện quá trình học tập.

Cả dự án ban đầu và nhiều dự án tiếp theo của nghiên cứu về tư duy hữu hình đều sử dụng rộng rãi các thói quen học tập giàu tư duy. Những thói quen này là những cấu trúc đơn giản. Ví dụ như một bộ câu hỏi hoặc một chuỗi các bước ngắn, có thể được sử dụng ở nhiều cấp học, lớp học và lĩnh vực nội dung khác nhau. Điều khiến chúng trở thành thói quen, so với các chiến lược đơn thuần là chúng được sử dụng nhiều lần trong lớp học để trở thành một phần cơ cấu văn hóa lớp học. Các nhà giáo dục vẫn có thể sử dụng nhiều hơn một thói quen trong việc dạy một bài học. Các thói quen không làm mất thời gian của những việc khác mà nhà giáo dục đang làm; thay vào đó, chúng tăng cường việc học tập trong lớp học. Sáu nguyên tắc chính thể hiện tư duy hữu hình ở trường học, lớp học, theo Ritchhart & Perkins (2008) là:

Nguyên tắc 1: Học tập là hệ quả của tư duy. Học sinh, sinh viên hiểu hơn về nội dung và các em cũng ghi nhớ nội dung tốt hơn khi các em suy nghĩ sâu. Vấn đề suy nghĩ sâu, thấu đáo, tuy nhiên, không phải là một nỗ lực đơn lẻ mà là các thành viên trong nhóm, đội, thường chia sẻ và xây dựng dựa trên kiến thức của nhau.

Nguyên tắc 2: Tư duy tốt không chỉ là vấn đề về kỹ năng mà còn là vấn đề về khuynh hướng. Sự cởi mở, tò mò, chú ý đến mình chứng, sự hoài nghi và trí tưởng tượng đều tạo nên một tư duy tốt. Những đặc điểm như vậy không liên quan nhiều đến khả năng của một người mà liên quan đến cách người đó đầu tư những khả năng đó. Bên cạnh việc nuôi dưỡng các kỹ năng có liên quan, giáo dục cần phải thúc đẩy sự cởi mở hơn là sự khép kín, sự tò mò hơn là sự thờ ơ...

Nguyên tắc 3: Sự phát triển tư duy là một nỗ lực xã hội. Trong lớp học, cũng như trên thế giới, luôn có một sự tương tác và mối quan hệ liên tục giữa nhóm và cá nhân. Chúng ta học hỏi từ những người xung quanh chúng ta và thông qua sự tương tác của chúng ta với họ. Đặc điểm văn hóa xã hội của lớp học và trường học phải đảm bảo rằng, việc học tập có suy nghĩ là phổ biến chứ không phải là lúc có lúc không.

Nguyên tắc 4: Nuôi dưỡng tư duy đòi hỏi phải làm cho tư duy trở nên hữu hình. Tư duy diễn ra chủ yếu trong đầu chúng ta, vô hình với người khác và thậm chí với chính chúng ta. Những người tư duy hiệu quả làm cho tư duy của họ hữu hình, nghĩa là họ thể hiện suy nghĩ của mình thông qua lời nói, văn bản, bản vẽ hoặc một số phương pháp khác. Sau đó, họ có thể định hướng và cải thiện những suy nghĩ đó. Tư duy hữu hình cũng nhấn mạnh vào việc ghi chép lại

suy nghĩ để suy ngẫm sau này.

Nguyên tắc 5: Văn hóa lớp học thiết lập “giai điệu” cho việc học và định hình những gì được học. Các tác giả đã xác định 8 yếu tố định hình văn hóa lớp học, đó là: 1) Thói quen và cấu trúc lớp học, 2) Ngôn ngữ và các mô hình hội thoại, 3) Kỳ vọng ngầm và rõ ràng, 4) Phân bổ thời gian, 5) Mô hình của giáo viên và những người khác, 6) Môi trường vật lý, 7) Các mối quan hệ và mô hình tương tác, 8) Việc tạo ra các cơ hội. Tùy thuộc vào hình thức của chúng, các lực lượng này có thể hỗ trợ hoặc làm suy yếu nhiệm vụ của việc học tập có suy nghĩ (Ritchart & Perkins, 2008a,b).

Nguyên tắc 6: Trường học phải là nền văn hóa tư duy cho giáo viên, giảng viên. Các cộng đồng học tập chuyên nghiệp, trong đó các cuộc thảo luận phong phú về giảng dạy, học tập và tư duy trở thành một phần cơ bản trong trải nghiệm của giáo viên nhằm cung cấp nền tảng để nuôi dưỡng tư duy và học tập trong lớp học. Người quản lý cần coi trọng, tạo ra và dành thời gian cho giáo viên, giảng viên thảo luận về giảng dạy và học tập, dựa trên việc quan sát việc học tập của học sinh, sinh viên.

2.3. Lí do sử dụng thói quen tư duy hữu hình trong việc phát triển kĩ năng nói

“Học tập là hệ quả của tư duy, không phải là một yếu tố chúng ta bổ sung thêm mà là một quá trình đòi hỏi chúng ta tham gia tích cực để thúc đẩy việc học của bản thân và của người khác” (Ritchhart, 2015; Ritchhart, Turner & Hadar, 2009).

Theo Caroti, Howell & Dodgson (2017), học là kết quả của tư duy và do đó đi sâu vào cách học sinh tư duy là quan trọng đối với giáo viên, cho phép giáo viên có thể thay đổi cách tư duy của các em. Việc giúp các em tư duy có thể giúp phát triển tư duy và năng lực học của học sinh, sinh viên, hiểu nội dung học sâu hơn, có động lực lớn hơn, phát triển thái độ đối với việc học, đồng thời giáo viên có thể góp phần thay đổi văn hóa lớp học theo hướng là người suy nghĩ và người học tích cực, khuyến khích lớp học có tính giao tiếp và tổng hợp. Theo Ritchhart, Church & Morrison (2011), thói quen tư duy giúp phát triển khả năng quan sát kĩ và mô tả; xây dựng giải thích và diễn giải; lập luận có bằng chứng; liên hệ thực tế; xem xét các quan điểm khác nhau; nắm bắt điểm quan trọng và hình thành kết luận; thắc mắc và đặt câu hỏi; khám phá sự phức tạp và đi sâu dưới bề mặt của vấn đề. Ngay khi chúng ta chuyển trọng tâm từ giáo viên sang học sinh, việc học sẽ trở nên phù hợp

hơn và có ý nghĩa hơn đối với các em và các em có thể liên hệ những gì đang học với cuộc sống thực của mình và điều đó lại có tác động dây chuyền đến văn hóa lớp học. Nó tạo ra những người suy nghĩ và học sinh, sinh viên tích cực hơn.

Lí do mà giáo viên, giảng viên ngoại ngữ nên đưa thói quen tư duy hữu hình là nó tạo điều kiện thuận lợi hơn cho một lớp học hòa nhập, giao tiếp nhiều hơn và lấy học sinh, sinh viên làm trung tâm. Bởi vì việc học ngôn ngữ mang đến cho học sinh, sinh viên nhiều cơ hội trong lớp để nói chuyện, chia sẻ quan điểm và ý kiến của các em và việc này liên quan đến từng học sinh, sinh viên không chỉ những học sinh, sinh viên giỏi mà cả những học sinh ít nói hơn, nhút nhát hơn, ít tự tin hơn hay thậm chí là những em học sinh, sinh viên chưa được chăm chỉ. Thói quen tư duy hữu hình giúp các em tham gia vào quá trình tư duy khi các em được tạo cơ hội hay hình thành thói quen suy nghĩ về việc các em nghĩ gì, tin gì, hiểu điều gì (Warren, 2023). Ngoài ra, trong lớp học có nhiều năng lực khác nhau, thói quen có thể giúp học sinh, sinh viên tham gia theo năng lực của các em. Ví dụ như, các học sinh tự tin hơn có thể làm mẫu ngôn ngữ cho học sinh ít tự tin hơn. Tất cả các học sinh, sinh viên đều có thể tham gia đóng góp theo cách không có sự cạnh tranh: Học sinh có xu hướng suy nghĩ logic có thể giúp sắp xếp ý tưởng, học sinh, sinh viên có vốn tự vựng và ngữ pháp tốt có thể giúp diễn đạt ý kiến rõ ràng. Tất cả các học sinh, sinh viên đều có cơ hội được tham gia và đóng góp, tạo lớp học sáng tạo hơn, hợp tác hơn, hiệu quả hơn (Cambridge University Press & Assessment, 2023).

Nói là một trong bốn kĩ năng tiếng Anh quan trọng. Kĩ năng nói không những chỉ được luyện tập trong giờ học nói mà có thể được luyện tập tích hợp với các kĩ năng khác. Harmer (2015) đã khẳng định rằng, giáo viên sử dụng nhiều hoạt động khác nhau để khuyến khích học sinh nói trong lớp. Việc lựa chọn các hoạt động nào sẽ phụ thuộc vào học sinh là ai, mức độ nhiệt tình của các em khi nói và kiểu nói nào các em cần luyện tập. Do đó, là giáo viên, giảng viên, chúng ta có thể linh hoạt sử dụng các hoạt động mà chúng ta tin sẽ giúp cho sự phát triển kĩ năng nói của học sinh, sinh viên và thói quen tư duy hữu hình là một những phương cách có thể đem lại hiệu quả trong việc khuyến khích các em học sinh, sinh viên thực hành nói và phát triển kĩ năng nói trong lớp học ngoại ngữ.

2.4. Các hoạt động tư duy hữu hình có thể đưa vào lớp học nói Tiếng Anh hay trong các hoạt động giúp phát triển kỹ năng nói cho học sinh, sinh viên

Thực ra, những thói quen tư duy của Project Zero không được phát triển đặc biệt cho giáo viên ngôn ngữ, chúng chủ yếu được phát triển cho các chương trình nghệ thuật nhưng chúng lại có rất nhiều ứng dụng cho những gì giáo viên, giảng viên và học sinh, sinh viên đang làm, có thể làm trong lớp học ngoại ngữ của mình và thực tế đã được nhà xuất bản như National Geographic Learning (2023) đưa vào trong quá trình biên soạn sách của mình hay được các nhà xuất bản như Cambridge University Press (2023) đưa vào trong việc phát triển nghiệp vụ cho giáo viên, giảng viên hay Oxford University Press (2024) với các bài viết Focus Papers. Tuy các thói quen tư duy hữu hình chưa được phát triển rõ ràng cho lớp học ngôn ngữ nhưng giáo viên, giảng viên có thể sử dụng chúng rất dễ dàng, hiệu quả cho lớp học ngôn ngữ của mình và có thể có rất nhiều lợi ích trong môi trường dạy học ngôn ngữ như đã đề cập ở trên.

Thói quen tư duy trực quan được thiết kế theo những cách khác nhau để đáp ứng các mục đích khác nhau trong lớp học. Các thói quen đó có thể được dùng trong hoạt động cá nhân, nhóm nhỏ hay nhóm lớn. Trong bài viết của mình, Trần Thị Thanh Tú (2023) đã theo quan điểm của Ritchhart, Church & Morrison (2011) khi chia các thói quen tư duy hữu hình ra thành 4 nhóm, theo mục đích sử dụng của chúng, đó là: Trình bày/giới thiệu và khám phá ý tưởng, thói quen tổng hợp và sắp xếp ý tưởng, thói quen đi sâu hơn vào ý tưởng hay thói quen thể hiện sự thay đổi trong quan điểm. Các thói quen này có thể được dùng phối kết hợp theo một cách nào đó để có thể cho hiệu quả tốt hơn, đạt mục đích tốt hơn trong việc giảng dạy của giáo viên, giảng viên và học tập của học sinh, sinh viên.

Trong bài viết này, tác giả ủng hộ quan điểm của National Geographic Learning (2023) khi mà các thói quen tư duy hữu hình có thể được phân thành các nhóm khác nhau, tùy thuộc vào mức độ sử dụng hình ảnh và thời điểm giáo viên sử dụng chúng trong quá trình giảng dạy của mình. Hai việc phân chia này, theo tác giả hoàn toàn không tương phản nhau mà trái lại giúp giáo viên có bức tranh tốt hơn về chúng và hiểu được mục đích cũng như thời điểm mà giáo viên có thể đưa chúng vào quá trình giảng dạy của mình. Ba nhóm có thể được phân ở đây, theo National Geographic Learning (2023) là các thói quen tư duy hữu hình và hình ảnh, các thói quen tư

duy hữu hình và các hoạt động trước khi xem, trước khi đọc hay trước một chủ đề và các thói quen tư duy hữu hình và các hoạt động sau khi xem, sau khi đọc hay sau một chủ đề. Trong bài viết này, tác giả trình bày việc ứng dụng của thói quen tư duy hữu hình theo 2 nhóm: ứng dụng của tư duy hữu hình và hình ảnh và ứng dụng của tư duy hữu hình trước, trong và sau một chủ đề, một bài học vì tính linh hoạt sử dụng chúng ở các giai đoạn khác nhau của bài học.

2.4.1. Ứng dụng của tư duy hữu hình và hình ảnh

Các thói quen tư duy hình ảnh có thể sử dụng vào các giai đoạn khác nhau của bài học nhằm khuyến khích học sinh, sinh viên tư duy và phát triển kỹ năng nói của mình. Ở đây, chúng ta cần hiểu là không phải các nhóm khác của tư duy hữu hình không thuộc nhóm này là không sử dụng hình ảnh. Vì sự cần thiết và ứng dụng rộng rãi và có hiệu quả của hình ảnh trong việc phát huy khả năng tư duy và trình bày ý tưởng thông qua hoạt động nói nên phần này được tách ra một phần riêng nhằm giúp người đọc có cái nhìn tổng quan và hiểu rõ cách sử dụng hình ảnh trong quá trình dạy học và phát triển kỹ năng nói cho học sinh, sinh viên của mình. Hơn nữa, chúng ta cũng hiểu rằng, hình ảnh có thể xuất hiện dưới nhiều dạng khác nhau: là hình ảnh, đoạn video hay các phần demo, cuộc thí nghiệm nhỏ... Trong phần này, chúng tôi trình bày và phân tích một số ứng dụng của tư duy hữu hình có sử dụng hình ảnh để giúp học sinh, sinh viên phát triển kỹ năng nói của mình.

a. I see I think I wonder

Đây có thể được xem là thói quen dễ nhất và nó có thể hiệu quả mỗi lần sử dụng với điều kiện là giáo viên, giảng viên có hình ảnh phù hợp. Thói quen này thích hợp với học sinh, sinh viên với các trình độ khác nhau.

Ví dụ, khi giáo viên, giảng viên dạy kỹ năng nói về chủ đề Globalization (Toàn cầu hóa) trong Paul (2010), giáo viên, giảng viên có thể giới thiệu một hình ảnh cho các em học sinh, sinh viên. Hình ảnh được lựa chọn có thể giúp các em học sinh, sinh viên nhớ và hiểu từ vựng với chiến lược "I see". Chẳng hạn, em nhìn thấy quả địa cầu, máy tính, sách vở, nhiều học sinh, các bạn đều trông rất vui. Không chỉ dừng lại ở đó, các bạn khác có thể nghĩ một số điều về bức tranh sử dụng chiến lược "I think". Học sinh, sinh viên cảm thấy vui vì mình có thể có thể tiếp cận việc học tốt hơn, học tốt hơn và có cơ hội giao lưu, trao đổi trong học tập, tìm hiểu nhiều hơn về các nền văn hóa và phát triển bản thân nhờ có toàn cầu hóa.

Ngoài ra, một số học sinh, sinh viên còn có thể đi sâu hơn và tự hỏi, thông qua chiến lược “I wonder”, là “Liệu ảnh hưởng của Toàn cầu hóa lên lĩnh vực giáo dục có luôn luôn tích cực không?” hay “Liệu ảnh hưởng của Toàn cầu hóa lên các lĩnh vực khác là như thế nào?”. Ở đây, giáo viên, giảng viên đóng vai trò là người thúc đẩy và học sinh, sinh viên là người chủ động trong việc học và suy nghĩ của mình. Học sinh, sinh viên tùy vào hiểu biết và năng lực tiếng Anh của mình có thể biểu đạt suy nghĩ cá nhân của các em và đồng thời có thể chia sẻ và học hỏi từ nhiều bạn khác.

b. Interview the picture

National Geographic Learning (2023) đã đề nghị một thói quen đó là “Phỏng vấn bức tranh”, “Interview the picture”. Với thói quen này, học sinh có thể đặt câu hỏi cho các bạn ở trong tranh. Ví dụ, khi học về chủ đề Volunteering (Tình nguyện) trong Liu, Davis, & Rizzo, (2008), giáo viên, giảng viên có thể chọn một tranh trong giáo trình hay ở ở một nguồn tin cậy khác về các bạn học sinh, sinh viên tham gia tình nguyện và khuyến khích các em đặt câu hỏi cho các bạn tham gia tình nguyện trong tranh và sau đó có thể cho các bạn trong lớp đóng vai các bạn trong tranh và giao tiếp với nhau, cùng nhau hỏi và trả lời một số vấn đề quan tâm. Các câu hỏi mà học sinh có thể đặt ra là tùy thuộc vào mối quan tâm, sự sáng tạo và sự tưởng tượng của các em, không có một giới hạn nào sẽ đặt ra cho các câu hỏi đó. Ví dụ như: “Bạn cảm thấy như thế nào khi tham gia tình nguyện?”, “Bạn gặp khó khăn nào khi tham gia vào các hoạt động tình nguyện?”, “Bạn tham gia hoạt động tình nguyện này bao nhiêu lần rồi?”, “Bạn nghĩ hoạt động tình nguyện như vậy có nên bắt buộc không? ...

c. Dimensions of viewing

Một chiến lược có tên là “Các cách xem một bức tranh, hình ảnh”, “Dimensions of viewing” (Warren, 2023). Chiến lược này có thể được chia thành 3 chiến lược nhỏ hơn là “Personal viewing” (Xem cá nhân), “Structural viewing” (Xem cấu trúc) và “Critical viewing” (Xem phản biện). Cũng tương tự như trên, khi dạy về chủ đề The past (Quá khứ) (Paul, 2008), giáo viên, giảng viên có thể chọn hình trong sách trên một nguồn phù hợp. Thông qua hình ảnh đó, học sinh, sinh viên có thể liên hệ với bản thân, xem mình đã ở trong tình huống (tắm mưa, chơi trốn tìm, giật cờ, bị mất bắt dê...) như vậy chưa và liệu trải nghiệm đó của các em là tích cực hay tiêu cực và có thể hoài niệm một số khoảnh khắc trong quá khứ (Xem cá nhân). Ngoài ra, các em có thể xem bức hình

và xem là bức hình này có thể được chụp ở đâu, cái gì/ai là tiêu điểm của bức hình và xung quanh nơi này/các bạn nhỏ này là ai hay cái gì? (Xem cấu trúc). Không những thế, bức tranh cũng có thể gọi lên ở các em học sinh một câu hỏi về sự tự nhiên của bức ảnh, mục đích của bức ảnh hay thông điệp của bức ảnh (Xem phản biện).

2.4.2. *Ứng dụng của các thói quen tư duy hữu hình và các hoạt động trước, trong hay sau một nội dung học tập hay một chủ đề*

Ở phần ứng dụng này, hình ảnh vẫn có thể được sử dụng. Và trong phần này, tác giả trình bày các hoạt động mà tác giả nghĩ có thể linh hoạt sử dụng ở các giai đoạn khác nhau của giờ dạy nói hay các giờ dạy kỹ năng khác để có thể giúp học sinh, sinh viên phát triển kỹ năng nói.

a. GOGO (Give one, Get one) trình bày một ý kiến, nhận lại một ý kiến

Khi dạy về chủ đề Vietnam: Then and Now ở sách Tiếng Anh 9 – Global Success (Vân và các tác giả, 2023), giáo viên có thể tạo một hoạt động mà ở đó học sinh có thể làm theo cặp hay theo nhóm nhỏ. Ở đó, học sinh sẽ trình bày ý kiến của mình với bạn/các bạn và nhận lại một ý kiến từ bạn về vấn đề “Những thay đổi mà các em nghĩ tích cực/chưa được tốt lắm về đất nước Việt Nam của chúng ta là gì?”. Điều này được thực hiện trong sự lắng nghe, chia sẻ, sự tìm hiểu sâu hơn và phản biện hơn nội dung trình bày bằng cách hỏi thêm: Vì sao? Như thế nào? ... và sự phản hồi lại với thông tin mà các bạn trao đổi với nhau. Hoạt động này rất có tính giao tiếp và hợp tác và dường như có thể thúc đẩy sự tham gia của các bạn học sinh, sinh viên trong lớp dù là các bạn có phần hơi nhút nhát hay lười nói.

Ngoài ra, giáo viên, giảng viên khi có một vấn đề lớn hơn, khó hơn có thể cho học sinh động não về vấn đề và có thể ghi lại các ý kiến của mình theo từ hay cụm từ. Sau đó, giáo viên, giảng viên có thể cho học sinh di chuyển quanh lớp và cùng trình bày một ý kiến, nhận lại một ý kiến (Give one, Get one) với một bạn nào đó. Nếu bạn này cảm thấy mình chưa có ý đó thì bạn có thể bổ sung và sau đó có thể trình bày lại hay với sự thay đổi mong muốn nếu cảm thấy muốn chia sẻ ý kiến đó. Điều này sẽ thực sự giúp các bạn học sinh, sinh viên học hỏi từ nhau rất nhiều và các bạn nếu có một ý kiến chưa tự tin có thể được củng cố sự tự tin của mình khi lắng nghe sự chia sẻ từ bạn khác hay cũng có thể giúp các bạn chưa có nhiều ý kiến được học hỏi thêm từ các bạn khác.

b. The compass points

Khi dạy về chủ đề Free time (Thời gian rảnh) (Paul, 2008), giáo viên, giảng viên cũng có thể giúp sinh viên trong hay sau giờ học có thể chia sẻ ý kiến của mình về chủ đề, cụ thể qua các hướng Đông, Tây, Nam, Bắc (East, West, South, North) với các từ khóa tương ứng với chữ cái bắt đầu của hướng đó. Điều này như giúp tăng thêm động lực và nhu cầu chia sẻ của các em, giúp các em tự tin hơn trong việc thể hiện những ý kiến hay hiểu biết và quan điểm của mình. Ví dụ, khi học về thời gian rảnh, giáo viên có thể tạo một la bàn bốn hướng với các câu hỏi tương ứng như: North: What do you think you **need** to do?, South: What message do you want to **send** to the universe with your free-time activity?/ What **surprising** activity do you do or do you know someone does?, East: What do you think you are **excited** to do?, West: What may you be **worried** about if you have too much free time?

c. The 3 whys

Chiến lược này sẽ giúp các em học sinh, sinh viên nhìn nhận một vấn đề từ nhiều góc độ khác nhau. Góc nhìn đầu tiên là liên hệ về bản thân, thứ hai là về những người xung quanh mình và thứ 3 là liên hệ đến thế giới. Ví dụ, khi các em học sinh lớp 6, 7, 8 học về chủ đề Bảo vệ môi trường hay một loại hình ô nhiễm môi trường (Vân và các tác giả, 2023) các em học sinh có thể liên hệ:

- 1) Tại sao vấn đề ô nhiễm môi trường/bảo vệ môi trường lại liên quan đến mình?
- 2) Tại sao vấn đề ô nhiễm môi trường/bảo vệ môi trường lại liên quan đến những người quanh mình: Gia đình, bạn bè, những người dân trong thành phố, đất nước mình?
- 3) Tại sao vấn đề ô nhiễm môi trường/bảo vệ môi trường lại liên quan đến thế giới nơi mình đang sinh sống?

3. Kết luận và kiến nghị

Các hoạt động trên được thiết kế với hi vọng giúp giáo viên, giảng viên có cái nhìn tốt hơn về việc sử dụng thói quen tư duy trong việc giúp hình thành văn hóa suy nghĩ trong lớp học, giúp học sinh, sinh viên nâng cao tư duy đồng thời phát triển kỹ năng nói và biểu đạt ý kiến của mình.

Chúng tôi cho rằng, tất cả mọi người đều đồng ý rằng mục đích của giáo dục không chỉ gói gọn trong việc dạy các môn học cụ thể mà còn là cung cấp cho học sinh một bộ kỹ năng, giá trị và kiến thức để tồn tại và phát triển trong thế giới thực. Đứng đầu trong

danh sách đó là khả năng tư duy theo cả cách phản biện và sáng tạo. Do đó, việc trao cho học sinh, sinh viên cơ hội phát triển khả năng tư duy của mình là rất quan trọng. Việc sử dụng các thói quen tư duy cho phép chúng ta thực hiện theo một liên mạch, liên tục và không gây khó chịu.

Sử dụng thói quen tư duy hữu hình là một quá trình cần có thời gian và cần luyện tập. Do đó, giáo viên, giảng viên cần phải kiên nhẫn, kiên trì, bền bỉ, nhất quán và chấp nhận rủi ro. Trong quá trình sử dụng thói quen tư duy vào giờ học nói, giáo viên, giảng viên cần có sự lựa chọn tinh tế những nội dung phù hợp với thói quen vì các thói quen không phải là nội dung mà chúng chỉ là phương tiện để giúp các em học sinh, sinh viên khám phá nội dung học tập. Giáo viên, giảng viên cũng nên hiểu rằng, các thói quen tư duy là không cố định và chính giáo viên, giảng viên là những người có thể thay đổi, bổ sung, điều chỉnh hay tạo ra các thói quen mới phù hợp với bối cảnh giảng dạy của mình.

Việc thỉnh thoảng sử dụng tiếng mẹ đẻ để giúp học sinh, sinh viên thể hiện quan điểm hay ý tưởng của mình sử dụng thói quen tư duy hữu hình trong việc học nói là có thể vì điều này giúp các em cảm thấy an toàn, có được sự tự tin vào khả năng của mình, mở mang đầu óc và làm giàu cho các em về mặt trí tuệ, tư duy. Về việc sử dụng tiếng mẹ đẻ, Wach and Monroy (2020) nhấn mạnh rằng: Cả việc dạy và học đều không diễn ra trong chân không; do đó, các giáo viên cần ở tâm thế chuẩn bị để có thể đưa ra những lựa chọn sáng suốt về các phương án giảng dạy, trong đó có tính đến đặc thù của bối cảnh giáo dục của mình.

Ngoài ra, trong quá trình thực hiện, nếu giáo viên và giảng viên nhận thấy thời gian trên lớp là chưa đủ thời gian để tiến hành thì giáo viên, giảng viên có thể khuyến khích các em làm cá nhân ở nhà hay tham gia vào một nhóm nhỏ và có thể động viên các em bằng điểm thưởng, điểm cộng hay/và một hình thức động viên tinh thần nào mà giảng viên và giáo viên nghĩ là phù hợp với sinh viên, học sinh với lớp học và với bối cảnh giảng dạy của mình.

Trong thế giới liên tục thay đổi, biến động và trong thế giới ngày càng cạnh tranh của thế kỷ XXI, thói quen tư duy hữu hình hi vọng sẽ giúp cho các em học sinh, sinh viên đáp ứng với những nhu cầu mới. Hi vọng rằng, giáo viên, giảng viên, gia đình và các lực lượng giáo dục và chính bản thân các em học sinh sẽ cùng cố gắng để làm cho các em trở thành những người tìm hiểu và suy nghĩ tốt, suy nghĩ sâu,

sáng tạo, có tính phản biện, cởi mở với những điều mới và đồng thời có thói quen thực hiện suy nghĩ, thể hiện suy nghĩ hay chất vấn suy nghĩ của mình

bằng lời và có thể vượt qua những địa hình đa dạng và phức tạp khác nhau trên con đường đi đến thành công của mình.

Tài liệu tham khảo

- Cambridge University Press & Assessment. (2023). *Active learning techniques*. Retrieved from <https://learning.cambridgeinternational.org/professional-development/mod/book/view.php?id=18506&chapterid=7531>.
- Caroti, P., Howell, S. & Dodgson, L.K. (2017, November 1). *Let's make our thinking visible*. Oxford University Press. Retrieved from <https://teachingenglishwithoxford.oup.com/2017/11/01/make-thinking-visible/>
- Dajani, M. (2016). Using Thinking Routines as a Pedagogy for Teaching English as a Second Language in Palestine. *Journal of Educational Research and Practice*, 6(1), 1-18.
- Gholam, A. (2018). Student Engagement through Visible Thinking Routines. *Athens Journal of Education*, 5(2), 161-172.
- Gholam, A. (2019). Student Engagement through Visible Thinking Routines. *Athens Journal of Education*, 6(1), 53-76.
- Harmer, J. (2015). *The Practice of English Language Teaching*. Pearson.
- Harvard Project Zero. (2010). *Research Projects: Visible thinking*, Harvard Graduate School of Education. Retrieved from <http://www.pz.harvard.edu/projects/visible-thinking>.
- Hoàng Văn Vân, Lương Quỳnh Trang, Nguyễn Thị Chi, Lê Kim Dung, Nguyễn Thùy Phương Lan, Phan Chí Nghĩa, Trần Thị Hiếu Thủy. (2023). *Tiếng Anh 6,7,8, 9 - Global success*. NXB Giáo dục Việt Nam.
- Holyoak, K.J., & Morrison, R.G. (1993). *Thinking and reasoning: A reader's guide*. In K.J. Holyoak & R.G. Morrison (Eds.), *Oxford Handbook of Thinking and Reasoning*. New York: Oxford University Press.
- Liu, J., Davis, T., & Rizzo, S. (2008). *Communication strategies 3*. Cengage Learning.
- Oxford University Press. (2024). *Focus on Visible thinking*. Retrieved from <http://www.oup.com/elt/expert>
- Paul, D. (2010). *Communication strategies 2*. Cengage Learning.
- Paul, D. (2008). *Communication strategies 1*. Cengage Learning.
- Ritchhart, R. (2015). *Creating Cultures of Thinking: The 8 Forces We Must Master to Truly Transform Our Schools*. Jossey-Bass (A Wiley Brand).
- Ritchhart, R. (2015). *Creating Cultures of Thinking: The 8 Forces We Must Master to Truly Transform Our Schools*. Jossey-Bass (A Wiley Brand).
- Ritchhart, R., & Perkins, D. (2008a). *Making thinking visible*. *Educational Leadership*, 65(5), 57-61.
- Ritchhart, R. & Perkins, D. (2008b). *Journal of the Department of Supervision and Curriculum Development*, N.E.A. *Educational leadership*, 65(5): 57-61.
- Ritchhart, R. & Turner, T. & Hadar, L. (2009). Uncovering students' thinking about thinking using concept maps. *Metacognition Learning*, 4, 145-159.
- Ritchhart, R., Church, M. & Morrison, K. (2011). *Making Thinking Visible: How to Promote Engagement, Understanding, and Independence for All Learners*. Jossey-Bass.
- Trần Thị Thanh Tú. (2023). Thói quen tư duy hữu hình và một vài ứng dụng trong lớp học tiếng Anh. *Tạp chí Khoa học Giáo dục Việt Nam*, 19(S1), tr.6-13. Xuất bản trực tuyến tại <http://vjes.vnies.edu.vn/vi/thoi-quen-tu-duy-huu-hinh-va-mot-vai-ung-dung-trong-lop-hoc-tieng-anh>.
- Wach, A. & Monroy, F. (2020). Beliefs about L1 use in teaching English: A comparative study of Polish and Spanish teacher trainees. *Language Teaching Research*, 24(6), 855-873.
- Warren, A. (2021). Visible thinking routines in the ELT Classroom. *National Geographic Learning: in Focus*.
- Warren, Alex. [National Geographic Learning] (2023, July 13). *Visible Thinking Routines in the English Language Classroom*. [Video]. YouTube. Retrieved from <https://www.youtube.com/watch?v=qNFOT3UVsIk>.